

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC  
SÀI GÒN THƯƠNG TÍN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: <sup>323/2020</sup>...../CV-TTCLAND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2020

v/v: Giải trình bổ sung chênh lệch  
BCTC Hợp nhất Quý II-2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TP. HCM**

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC SÀI GÒN THƯƠNG TÍN (“TTC Land”)**
- Mã chứng khoán: SCR
- Địa chỉ trụ sở chính: 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM
- Điện thoại: 028.38249988
- Fax: 028.38249977
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thùy Vân  
Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Loại thông tin công bố:  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố (\*):**

Căn cứ quy định tại Điều 11 Thông tư 155/2015/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, TTC Land trân trọng công bố thông tin Báo Cáo Tài Chính (BCTC) Hợp nhất Quý I năm 2020.

1. Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2020 của TTC Land được lập ngày 30 tháng 7 năm 2020 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh (KQKD), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính và Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu.


2. Nội dung giải trình: KQKD giảm 42,7% Lợi nhuận sau thuế (LNST) so với cùng kỳ năm 2019 Theo Báo cáo tài chính Quý II năm 2020 do TTC Land thực hiện:

- LNST thu nhập doanh nghiệp Quý II/2020: **24.825.207.937** đồng.
- LNST thu nhập doanh nghiệp Quý II/2019: **43.292.000.887** đồng.
- Chênh lệch LNST thu nhập doanh nghiệp giữa Quý II năm 2020 so với Quý II năm 2019 giảm: 18.466.792.950 đồng.

3. Nguyên nhân có sự chênh lệch:

LNST thu nhập doanh nghiệp giữa Quý II năm 2020 giảm 18.466.792.950 đồng (tương đương 42,7%) so với cùng kỳ năm trước là do tác động xấu của đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng không tốt tới kết quả kinh doanh TTC Land.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30 tháng 07 năm 2020 tại đường dẫn: <http://ttcland.vn/vi/co-dong.html>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. 

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN \*   
  
NGUYỄN THÙY VÂN

Nơi nhận:

- Như Trên
- Lưu: KT, VPCT.

# **Công ty Cổ phần Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý II năm 2020



# Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	1 - 3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	4 - 5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	6 - 7
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	8 - 44

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>9.275.756.875.708</b>	<b>8.973.003.089.584</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>69.990.864.897</b>	<b>83.538.083.050</b>
111	1. Tiền		47.308.939.156	61.210.930.784
112	2. Các khoản tương đương tiền		22.681.925.741	22.327.152.266
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>102.994.006.438</b>	<b>100.501.261.233</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		102.994.006.438	100.501.261.233
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>4.819.328.884.674</b>	<b>4.608.397.414.474</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	363.437.466.274	555.962.421.158
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	1.894.708.090.399	1.352.772.211.492
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	1.943.574.296.480	2.089.640.340.332
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	617.698.257.039	610.111.667.010
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(89.225.518)	(89.225.518)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>11</b>	<b>4.250.835.964.822</b>	<b>4.159.537.510.162</b>
141	1. Hàng tồn kho		4.250.835.964.822	4.159.537.510.162
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>32.607.154.877</b>	<b>21.028.820.665</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	2.287.946.600	1.221.307.716
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		22.412.039.061	12.473.430.082
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		7.907.169.216	7.334.082.867

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.965.627.050.809</b>	<b>1.911.874.324.969</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>330.230.606.097</b>	<b>331.350.049.457</b>
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		1.413.217.582	2.432.660.940
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	9	516.666.657	616.666.659
216	3. Phải thu dài hạn khác	10	328.300.721.858	328.300.721.858
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>209.737.362.283</b>	<b>213.095.454.249</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	4.009.561.104	4.808.400.424
222	Nguyên giá		15.100.654.118	15.740.606.478
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(11.091.093.014)	(10.932.206.054)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	205.727.801.179	208.287.053.825
228	Nguyên giá		226.066.188.912	226.008.226.695
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(20.338.387.733)	(17.721.172.870)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>15</b>	<b>545.414.520.069</b>	<b>557.362.259.382</b>
231	1. Nguyên giá		576.808.704.956	576.757.016.615
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(31.394.184.887)	(19.394.757.233)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>2.126.581.940</b>	<b>1.635.679.640</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	2.126.581.940	1.635.679.640
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>17</b>	<b>425.028.875.475</b>	<b>405.749.063.496</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		165.172.287.891	145.907.427.496
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		259.856.587.584	259.841.636.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>453.089.104.945</b>	<b>402.681.818.745</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	345.216.119.034	288.066.771.215
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
269	3. Lợi thế thương mại	18	107.872.985.911	114.615.047.530
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>11.241.383.926.517</b>	<b>10.884.877.414.553</b>

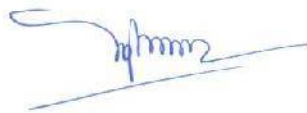
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>6.452.499.249.003</b>	<b>6.147.209.710.070</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>5.008.329.481.981</b>	<b>4.912.998.633.069</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19	137.586.172.509	150.989.947.810
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20	1.162.575.247.996	1.231.294.824.170
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	77.817.499.472	94.228.902.926
314	4. Phải trả người lao động		1.402.667.500	1.712.985.104
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	295.705.404.258	289.307.619.314
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	23	43.181.045.231	79.960.193.351
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	24	1.850.679.673.991	1.712.251.807.582
320	8. Vay ngắn hạn	25	1.411.055.393.677	1.338.275.937.998
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		28.326.377.347	14.976.414.814
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.444.169.767.022</b>	<b>1.234.211.077.001</b>
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	22	134.620.679.400	135.775.179.400
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	23	62.833.845.127	38.328.609.409
337	3. Phải trả dài hạn khác	24	55.961.335.591	54.468.018.118
338	4. Vay và nợ dài hạn	25	1.107.845.890.411	920.482.676.120
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		82.908.016.493	85.156.593.954
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>4.788.884.677.514</b>	<b>4.737.667.704.483</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>4.788.884.677.514</b>	<b>4.737.667.704.483</b>
411	1. Vốn cổ phần	26	3.663.563.030.000	3.392.226.750.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.663.563.030.000	3.392.226.750.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	26	333.252.781.211	333.257.781.211
415	3. Cổ phiếu quỹ	26	-	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	26	144.639.920.686	134.240.908.893
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	26	24.890.292.522	24.890.292.522
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	26	390.182.792.056	621.355.873.192
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		318.822.557.813	347.103.464.136
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ		71.360.234.243	274.252.409.056
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	26	232.355.861.039	231.696.098.665
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>11.241.383.926.517</b>	<b>10.884.877.414.553</b>



Nguyễn Văn Thanh  
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Thảo  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thủy Vân  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 30 tháng 7 năm 2020

Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín

B02a-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
Quý II năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	92.666.838.693	273.203.614.347	235.006.738.954	460.482.188.405
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27.1	552.750.376	27.277.113.070	3.462.175.150	42.411.673.376
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	92.114.088.317	245.926.501.277	231.544.563.804	418.070.515.029
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	70.910.465.527	87.303.055.219	150.943.895.754	150.353.256.027
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		21.203.622.790	158.623.446.058	80.600.668.050	267.717.259.002
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	40.657.756.378	49.937.390.174	89.467.978.377	98.502.450.706
22	7. Chi phí hoạt động tài chính	30	27.319.120.680	46.736.398.817	57.384.054.050	109.135.439.620
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		23.741.304.901	41.694.233.872	49.631.263.915	82.742.424.129
24	8. Phần (lỗ) lãi trong công ty liên kết		(2.055.291.562)	(43.252.765.392)	(4.792.139.605)	(6.767.391.938)
25	9. Chi phí bán hàng	29	2.972.442.396	14.613.045.132	4.716.085.094	17.381.726.828
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	15.255.052.789	36.139.745.630	38.562.471.027	80.565.051.625
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		14.259.471.741	67.818.881.261	64.613.896.651	152.370.099.697
31	12. Thu nhập khác	31	482.795.395	4.957.996.369	1.301.017.776	7.850.870.204
32	13. Chi phí khác	31	294.288.453	7.084.893.773	4.486.761.324	7.604.252.888
40	14. Lợi nhuận (lỗ) khác	31	188.506.942	(2.126.897.404)	(3.185.743.548)	246.617.316



# Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín

B02a-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý II năm 2020

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm trước
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN		14.447.978.683	65.691.983.857	61.428.153.103	152.616.717.013
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành		(10.349.645.666)	38.565.331.658	(8.343.266.053)	40.916.765.060
52	17. (Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại		(27.583.588)	(16.165.348.688)	(2.248.577.461)	(21.124.347.884)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		24.825.207.937	43.292.000.887	72.019.996.617	132.824.299.837
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		24.597.433.569	45.332.020.276	71.360.234.243	134.301.730.892
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		227.774.368	(2.040.019.389)	659.762.374	(1.477.431.055)



Nguyễn Văn Thanh  
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Thảo  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Thủy Vân  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 30 tháng 7 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
Quý II năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>61.428.153.103</b>	<b>152.616.717.013</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		21.650.283.252	13.527.236.100
03	Hoàn nhập dự phòng		-	(5.701.760.000)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.029.027.103)	(97.283.112.248)
05	Lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết		4.792.139.605	6.767.391.938
06	Chi phí lãi vay		49.631.263.915	82.742.424.129
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>135.472.812.772</b>	<b>152.668.896.932</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(366.504.717.606)	185.072.163.582
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(91.350.143.001)	(196.716.544.080)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		44.933.634.215	212.195.976.295
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(58.215.986.703)	(12.811.447.668)
14	Tiền lãi vay đã trả		(49.631.263.915)	(59.486.445.394)
15	Thuế TNDN đã nộp		(2.544.884.271)	(24.752.472.178)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.453.061.053)	(10.408.368.774)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(395.293.609.562)</b>	<b>245.761.758.715</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(405.288.521)	(10.299.620.594)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		280.897.340	7.952.054.128
23	Tiền chi cho vay		(177.444.932.691)	(328.672.326.238)
24	Tiền thu hồi cho vay		321.118.231.340	225.419.627.628
25	Tiền chi mua công ty con		-	(257.970.611.202)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(24.057.000.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	Tiền thu lãi cho vay và cổ tức		2.111.813.971	2.572.548.546
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>121.603.721.439</b>	<b>(360.998.327.732)</b>

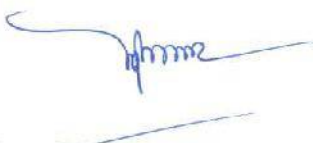
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý II năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	-
31	Tiền thu từ vốn góp của cổ đông thiểu số		-	22.400.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		1.037.652.434.209	915.815.646.109
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(777.509.764.239)	(854.413.516.781)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	(109.204.034)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông thiểu số		-	(1.500.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		260.142.669.970	82.192.925.294
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(13.547.218.153)	(33.043.643.723)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		83.538.083.050	158.244.579.555
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		69.990.864.897	125.200.935.832



Nguyễn Văn Thanh  
 Người lập



Nguyễn Thị Thanh Thảo  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thủy Vân  
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 30 tháng 7 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2020

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103002210 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 3 năm 2004, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCK HCM”) với mã SCR theo Quyết định số 468/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2016.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tập đoàn có mười hai công ty con trực tiếp, năm công ty liên kết với chi tiết như sau:

Công ty	Địa điểm	Tình trạng	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ biểu quyết %
<b>Công ty con</b>					
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Dịch vụ Địa ốc Sài Gòn Thương Tín (“Dịch vụ Địa ốc Sài Gòn”)	Hồ Chí Minh (“HCMC”)	Đang hoạt động	Kinh doanh bất động sản	100,00	100,00
Công ty Cổ phần Năng lượng Thương Tín (“Năng lượng”)	HCMC	Đang trong quá trình giải thể	Sản xuất	52,00	52,00
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển BĐS Đông Sài Gòn (“Đông Sài Gòn”)	HCMC	Đang hoạt động	Bất động sản	95,00	95,00
Công ty Cổ phần Thương Tín Tàu Cuốc (“Tàu Cuốc”)	HCMC	Đang hoạt động	Xây dựng và bất động sản	99,52	99,90
Công ty TNHH Dịch vụ Quản lý BĐS Sài Gòn Thương Tín (“Quản lý Dịch vụ Địa ốc Sài Gòn”)	HCMC	Đang hoạt động	Kinh doanh bất động sản	50,00	50,00
Công ty Cổ phần Mai Lan (“Mai Lan”)	HCMC	Đang hoạt động	Dịch vụ	90,07	90,07
Công ty TNHH Thương Tín - CJ Cầu Tre (“CJ Cầu Tre”)	HCMC	Đang hoạt động	Dịch vụ	74,00	74,00
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bất động sản Hùng Anh Năm (“Hùng Anh Năm”)	HCMC	Đang hoạt động	Bất động sản	100,00	100,00
Công ty Cổ phần Thương Mại Nguyễn Kim Đà Nẵng (“Nguyễn Kim Đà Nẵng”)	Đà Nẵng	Đang hoạt động	Bất động sản và dịch vụ thương mại	95,10	95,17
Công ty TNHH MTV TTC Land Retail Management (“TTC Land Retail”)	HCMC	Đang hoạt động	Kinh doanh bất động sản	100,00	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý II năm 2020

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có mười ba công ty con trực tiếp, năm công ty liên kết và với chi tiết như sau: (tiếp theo)

Công ty	Địa điểm	Tình trạng	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ biểu quyết %
<b>Công ty con (tiếp theo)</b>					
Công ty TNHH MTV Đầu tư BĐS TTC Land Phú Quốc ("TTC Land Phú Quốc")	Kiên Giang	Đang hoạt động	Bất động sản	100,00	100,00
Công ty Cổ phần Đầu tư BĐS TTC Land Hưng Điền ("TTC Land Hưng Điền")	HCMC	Đang hoạt động	Bất động sản	61,00	61,00
<b>Công ty liên kết</b>					
Công ty Cổ phần May Tiến Phát	HCMC	Đang hoạt động	Bất động sản và dịch vụ thương mại	12,09	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Idico - Long An	HCMC	Đang hoạt động	Bất động sản và dịch vụ thương mại	23,89	23,89
Công ty Cổ phần Sản xuất Xây dựng Dịch vụ Hoa Đồng	HCMC	Đang hoạt động	Bất động sản và dịch vụ thương mại	34,30	36,90
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Kim Thành	HCMC	Đang hoạt động	Bất động sản	60,00	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư SVG	HCMC	Đang hoạt động	Sản xuất và xây dựng	50,00	(*)

(\*) Tập đoàn nắm giữ quyền biểu quyết không tương ứng với tỷ lệ lợi ích trong các công ty này (Thuyết minh số 17.1)

Hoạt động chính theo đăng ký trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, đất thuê; kinh doanh nhà; đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư, cho thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng; hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính; tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, hoạt động tư vấn quản lý, nghiên cứu thị trường và thăm dò dự luận; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; đại lý môi giới, đấu giá, cung cấp dịch vụ tư vấn kiến trúc và kỹ thuật có liên quan; hoạt động thiết kế chuyên dụng.

Công ty có trụ sở chính tại số 253 Hoàng Văn Thụ, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý II năm 2020**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY****2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là VND.

**2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày chung với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý II năm 2020

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 *Hàng tồn kho*

##### *Hàng hóa bất động sản*

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuê chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết tính giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

##### *Hàng tồn kho khác*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân giá quyền.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý II năm 2020**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê*

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý II năm 2020

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản vô hình khi Tập đoàn nắm giữ đất này để sử dụng trong sản xuất, kinh doanh cung cấp dịch vụ hoặc cho các đối tượng khác thuê và Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Quyền sử dụng đất được khấu trừ dựa trên thời gian sử dụng hữu ích, ngoại trừ quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng vô thời hạn thì không được khấu trừ.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 3 năm
Phương tiện vận tải	2 - 7 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 10 năm
Phần mềm vi tính	3 - 11 năm
Tài sản vô hình khác	3 - 8 năm
Quyền sử dụng đất	65 năm

**3.8 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	24 - 45 năm
------------------------	-------------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoặc hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.9 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý II năm 2020**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 5 năm hoặc ghi nhận phù hợp với doanh thu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn và được sử dụng trên một năm;
- ▶ Nhà mẫu; và
- ▶ Chi phí hoa hồng cho dự án.

**3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

**3.12 Các khoản đầu tư*****Đầu tư vào công ty liên kết***

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không khấu hao lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý II năm 2020

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)*

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.14 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.15 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

▶ *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Nguồn kinh phí cho hoạt động kinh doanh, dự án bao gồm ngân sách hoạt động dự kiến.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý II năm 2020

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.17 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán biệt thự, nhà phố và căn hộ*

Đối với các biệt thự, nhà phố và căn hộ mà Tập đoàn bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến biệt thự, nhà phố và căn hộ đã được chuyển giao sang người mua.

Doanh thu bán bất động sản cũng bao gồm doanh thu cho thuê ghi nhận một lần từ việc cho thuê dài hạn bất động sản. Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước được ghi nhận doanh thu một lần nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- ▶ Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng thuê trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- ▶ Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê; và
- ▶ Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

*Doanh thu bán lô đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng*

Doanh thu bán lô đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được xác định là tổng số tiền được nhận khi đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được bàn giao cho khách hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ môi giới bất động sản và dịch vụ khác*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

*Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý II năm 2020

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.18 Thuế***Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải nộp hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý II năm 2020

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.19 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

**3.20 Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động kinh doanh bất động sản trong lãnh thổ Việt Nam chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Tập đoàn, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Tập đoàn. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn nhận định là Tập đoàn chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

**4. HỢP NHẤT KINH DOANH**

***Chuyển nhượng cổ phần công ty CP Đầu tư Bất động sản TTC Land Long An (TTCLand LA)***

Vào ngày 09 tháng 3 năm 2020, Tập đoàn đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ vốn cổ phần TTCLand LA cho công ty CP Khai thác và Quản lý KCN Đặng Huỳnh – một bên thứ ba. Việc chuyển nhượng CP ảnh hưởng đến BCĐKT hợp nhất của Tập đoàn tại ngày bán như sau:

	<i>VND</i> <i>Giá trị thuần được xác định tại ngày bán</i>
Tiền và tương đương tiền	17.334.120
Trả trước người bán	102.306.700
Phải thu về cho vay	47.650.000.000
Phải thu khác	544.236.405
Hàng tồn kho	763.559.780
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	222.273
Phải trả người bán	(93.502.650)
Thuế phải nộp	(921.612)
Phải trả khác	(6.340.980)
<b>Tài sản thuần có thể xác định tại ngày bán</b>	<b>48.976.894.036</b>
<b>Tổng giá vốn khoản đầu tư</b>	<b>48.976.894.036</b>
<b>Tổng giá bán</b>	<b>49.000.000.000</b>
<b>Lãi từ việc bán công ty con</b>	<b>23.105.964</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý II năm 2020

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Tiền mặt	82.270.402	153.245.550
Tiền gửi ngân hàng	47.226.668.754	61.057.685.234
Các khoản tương đương tiền (*)	22.681.925.741	22.327.152.266
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>69.990.864.897</b>	<b>83.538.083.050</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4,8%/năm đến 5,5%/năm.

**6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Số dư này thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng đến mười hai (12) tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất dao động từ 6,5%/năm đến 7,2%/năm.

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phải thu các bên liên quan	28.422.253.700	71.612.820.775
- Công ty CP May Tiến Phát	28.422.253.700	64.264.644.561
- Công ty CP Sản xuất Xây dựng Dịch vụ Hoa Đồng	-	6.926.700.000
- Công ty Cổ Phần Khu Công Nghiệp Thành Thành Công	-	421.476.214
Phải thu các bên khác	335.015.212.574	484.349.600.383
- Công ty Dịch vụ Công ích Quận 4	23.909.892.689	23.909.892.689
- Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	625.205.481	6.000.000.000
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	4.355.475.053	4.355.475.053
- Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Bất Động Sản Minh Anh	81.000.000.000	208.500.000.000
- Công ty TNHH Bất Động Sản Long Sơn	17.052.604.557	7.581.648.865
- Khác (*)	208.072.034.794	234.002.583.776
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>363.437.466.274</b>	<b>555.962.421.158</b>
Dự phòng phải thu khách hàng khó đòi	(89.225.518)	(89.225.518)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>363.348.240.756</b>	<b>555.873.195.640</b>

(\*) Số dư này chủ yếu thể hiện các khoản phải thu tương ứng với 5% giá trị hợp đồng của những nhà phỏ và căn hộ đã bàn giao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý II năm 2020

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Trả trước cho các bên liên quan	230.844.416.106	47.240.000.000
- Công ty CP Máy Tiến Phát	-	5.200.000.000
- Công ty CP KCN Thành Thành Công	230.844.416.106	41.655.000.000
- Công ty CP Sản Xuất Xây Dựng Dịch Vụ Hoa Đồng	-	385.000.000
Trả trước cho các bên khác	1.663.863.674.293	1.305.532.211.492
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tấn Hưng (*)	522.000.000.000	522.000.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư Sabeco Hiệp Phúc (**)	262.313.352.345	237.086.352.345
- Lê Thị Giàu (*)	128.000.000.000	128.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Bất Động Sản Minh Anh	189.929.000.000	61.500.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Dịch vụ Phúc Bảo Minh (*)	181.056.244.072	181.056.244.072
- Công ty CP Khai Thác và Quản Lý KCN Đặng Huỳnh	71.400.000.000	71.400.000.000
- Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Thuận Việt	207.615.583.699	-
- Khác	101.549.494.177	104.489.615.075
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.894.708.090.399</b>	<b>1.352.772.211.492</b>
Dự phòng trả trước cho người bán khó đòi	-	-
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>1.894.708.090.399</b>	<b>1.352.772.211.492</b>

(\*) Các số dư này thể hiện các khoản trả trước cho người bán theo các hợp đồng chuyển nhượng để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai.

(\*\*) Số dư này thể hiện khoản ứng trước theo các Thỏa thuận Nguyên tắc để mua sản phẩm hình thành trong tương lai đối với 90% tổng số lượng sản phẩm của dự án Charmington Iris, tọa lạc tại 76 Tôn Thất Thuyết, Phường 16, Quận 4, Thành Phố Hồ Chí Minh.

**9. PHẢI THU VÉ CHO VAY**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.943.574.296.480</b>	<b>2.089.640.340.332</b>
Cho vay bên liên quan (*)	1.469.546.400.000	1.634.950.550.000
Cho vay bên khác (**)	474.027.896.480	454.689.790.332
<b>Dài hạn</b>	<b>516.666.657</b>	<b>616.666.659</b>
Cho vay bên khác (**)	516.666.657	616.666.659
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.944.090.963.137</b>	<b>2.090.257.006.991</b>
Dự phòng phải thu về cho vay khó đòi	-	-
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>1.944.090.963.137</b>	<b>2.090.257.006.991</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý II năm 2020

9. **PHẢI THU VỀ CHO VAY** (tiếp theo)

(\*) Chi tiết các khoản phải thu về cho vay tín chấp cho bên liên quan nhằm mục đích tài trợ vốn lưu động như sau:

<i>Bên vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất</i>
	<i>VND</i>		<i>%/năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>			
Công ty Cổ phần May Tiến Phát	1.397.327.550.000	Ngày 26 tháng 6 năm 2020	6,0%- 10,5%
Công ty CP Khu công nghiệp Thành Thành Công	72.218.850.000	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	11,00%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.469.546.400.000</u></b>		

(\*\*) Chi tiết các khoản phải thu về cho vay tín chấp cho các bên khác như sau:

<i>Bên vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất</i>
<b>Ngắn hạn</b>			
Công ty Cổ phần Thực phẩm CJ Cầu Tre	156.000.000.000	Ngày 15 tháng 11 năm 2020	10,50%
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	88.500.000.000	Ngày 21 tháng 12 năm 2020	12,0%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản 66	85.700.000.000	Ngày 29 tháng 6 năm 2021	10,0%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Tân Sơn Nhất	32.360.000.000	Ngày 29 tháng 11 năm 2020	11,0% - 12,0%
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	13.663.095.887	Ngày 07 tháng 12 năm 2020	12,0%
Công ty CP ĐT KT XD Toàn Thịnh Phát	6.525.694.445	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	10,50%
Huỳnh Thảo Linh	41.500.000.000	Ngày 05 tháng 7 năm 2020	10,50%
Đặng Nhân Dung	10.800.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	10,50%
Khác	38.979.106.148	Ngày 28 tháng 12 năm 2020	9,0%
<b>Dài hạn</b>	<b>516.666.657</b>		
Trần Lam Thông	516.666.657	Ngày 09 tháng 01 năm 2023	10,50%
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>474.544.563.137</u></b>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý II năm 2020

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>Ngắn hạn</b>	<b>617.698.257.039</b>	<b>610.111.667.010</b>
Phải thu lãi cho vay và cổ tức	348.340.002.657	263.909.943.752
Ủy thác đầu tư	97.269.467.038	73.990.509.000
Tạm ứng cho nhân viên phục vụ công tác đền bù đất	59.168.206.486	49.612.763.596
Trả trước thuế thu nhập doanh nghiệp theo tiến độ thanh toán của khách hàng (i)	17.639.414.408	17.702.194.890
Phải thu từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD")	8.387.173.667	8.387.173.667
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	57.532.709.000	57.535.709.000
Thỏa thuận chuyển giao quyền chọn	-	97.264.200.000
Khác	29.361.283.783	41.709.173.105
<b>Dài hạn</b>	<b>328.300.721.858</b>	<b>328.300.721.858</b>
Phải thu từ các HĐHTKD (ii)	275.547.794.198	275.547.794.198
Đặt cọc để thực hiện dự án (iii)	42.000.000.000	42.000.000.000
Ký cược, ký quỹ	10.752.927.660	10.752.927.660
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>945.998.978.897</b>	<b>938.412.388.868</b>

- (i) Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp, Tập đoàn thực hiện kê khai và tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên doanh thu thu được tiền trong năm của các hợp đồng mua bán căn hộ, nhà phố và biệt thự.
- (ii) Số dư này chủ yếu thể hiện phần đầu tư vào HĐHTKD với Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Hai Thành ("Hai Thành") để phát triển dự án bất động sản. Theo HĐHTKD, Tập đoàn sẽ nhận lại các căn hộ hoặc quyền sử dụng đất khi Hai Thành hoàn thành dự án này.
- (iii) Số dư này thể hiện khoản đặt cọc theo HĐHTKD với Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Việt Nam trong năm 2012 để thực hiện dự án Charmington LaPointe trên quy mô diện tích 5.055,1 hecta tại Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, dự án này đang trong giai đoạn cho thuê và bàn giao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý II năm 2020

**11. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bất động sản dở dang	4.180.533.616.979	4.145.164.001.718
- Dự án Jamona City	1.965.154.368.170	1.954.113.327.359
- Dự án Charmington Dragonic	573.105.102.601	572.646.682.502
- Dự án Charmington Tamashi Đà Nẵng	457.886.833.159	463.327.030.047
- Dự án Carillon 7	454.749.842.699	404.857.644.504
- Dự án Jamona Home Resort	211.092.330.744	286.064.356.692
- Dự án Jamona Cầu Tre	196.498.309.168	196.498.309.169
- Dự án Hưng Điền – Tân Hưng Quận 8	93.570.280.768	73.291.340.187
- Dự án TTC Plaza Đức Trọng	68.053.142.539	55.294.713.124
- Dự án Thanh Đa	35.449.602.480	35.331.091.935
- Khu dân cư Phú Hữu, Quận 9	21.776.603.921	21.776.603.921
- Dự án Carillon 5	12.188.021.496	17.940.886.016
- Dự án Charmington La Pointe (i)	9.281.286.495	9.281.286.495
- Dự án Jamona Golden Silk	7.737.742.783	4.219.033.304
- Dự án Phong Điền Phước Dân	4.358.338.675	4.358.338.675
- Khác	69.631.811.281	46.163.357.788
Hàng hóa bất động sản để bán	69.955.829.352	14.019.701.453
Nguyên vật liệu	289.952.127	293.840.627
Công cụ và dụng cụ	56.566.364	59.966.364
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.250.835.964.822</u></b>	<b><u>4.159.537.510.162</u></b>

(i) Số dư này thể hiện các chi phí đã phát sinh liên quan đến việc hợp tác với Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Việt Nam ("VITC") để phát triển dự án Charmington La Pointe tọa lạc tại số 181 Cao Thắng, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh, Tập đoàn có quyền chủ động trong mọi hoạt động phát triển của dự án, đồng thời có nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền thuê đất và lợi nhuận cố định cho VITC. Vào ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, dự án đang trong quá trình hoàn thiện và cho thuê dài hạn.

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.287.946.600</b>	<b>1.221.307.716</b>
Công cụ, dụng cụ	98.978.612	76.657.544
Khác	2.188.967.988	1.144.650.172
<b>Dài hạn</b>	<b>345.216.119.034</b>	<b>288.066.771.215</b>
Chi phí hoa hồng	326.022.268.374	269.708.359.257
Công cụ, dụng cụ	16.792.946.551	18.358.411.958
Khác	2.400.904.109	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>347.504.065.634</u></b>	<b><u>289.288.078.931</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý II năm 2020

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	249.090.909	1.235.577.184	1.290.830.909	12.965.107.476	15.740.606.478
Mua mới	-	-	159.090.909	-	159.090.909
Thanh lý	-	-	(289.876.364)	(46.500.000)	(336.376.364)
Giảm khác	-	(11.272.727)	-	(451.394.178)	(462.666.905)
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	249.090.909	1.224.304.457	1.160.045.454	12.467.213.298	15.100.654.118
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	(186.818.184)	(1.100.962.734)	(318.850.864)	(9.325.574.272)	(10.932.206.054)
Khấu hao trong kỳ	(20.757.576)	(36.051.828)	(83.387.624)	(665.359.278)	(805.556.306)
Thanh lý	-	-	31.403.276	12.400.000	43.803.276
Giảm khác	-	11.272.727	-	591.593.343	602.866.070
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	(207.575.760)	(1.125.741.835)	(370.835.212)	(9.386.940.207)	(11.091.093.014)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	62.272.725	134.614.450	971.980.045	3.639.533.204	4.808.400.424
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	41.515.149	98.562.622	789.210.242	3.080.273.091	4.009.561.104

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý II năm 2020

**14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm vi tính</i>	<i>VND Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	209.629.895.999	16.378.330.696	226.008.226.695
Mua mới	-	106.364.000	106.364.000
Giảm khác		(48.401.783)	(48.401.783)
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>209.629.895.999</u>	<u>16.436.292.913</u>	<u>226.066.188.912</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	(11.257.154.993)	(6.464.017.877)	(17.721.172.870)
Hao mòn trong kỳ	(1.842.479.910)	(823.136.736)	(2.665.616.646)
Giảm khác		48.401.783	48.401.783
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>(13.099.634.903)</u>	<u>(7.238.752.830)</u>	<u>(20.338.387.733)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	<u>198.372.741.006</u>	<u>9.914.312.819</u>	<u>208.287.053.825</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>196.530.261.096</u>	<u>9.197.540.083</u>	<u>205.727.801.179</u>

**15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	<i>VND Nhà cửa, vật kiến trúc</i>
<b>Nguyên giá:</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	576.757.016.615
Mua mới	-
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-
Tặng khác	51.688.341
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>576.808.704.956</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	(19.394.757.233)
Khấu hao trong kỳ	(11.999.427.654)
Thanh lý, nhượng bán	-
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>(31.394.184.887)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	<u>557.362.259.382</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>545.414.520.069</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý II năm 2020

**16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phần mềm	2.126.581.940	1.635.679.640
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.126.581.940</b>	<b>1.635.679.640</b>

**17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 17.1)	165.172.287.891	145.907.427.496
Đầu tư dài hạn khác (TM số 17.2)	259.856.587.584	259.841.636.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>425.028.875.475</b>	<b>405.749.063.496</b>

# Công ty Cổ phần Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý II năm 2020

## 17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

### 17.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Tình trạng	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019		
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	
Công ty Cổ phần May Tiến Phát (i)	Đang hoạt động	Bất động sản và dịch vụ thương mại	12,09	(i)	12,09	(i)	43.893.399.717
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ilico Long An	Đang hoạt động	Bất động sản và dịch vụ thương mại	23,89	23,89	23,89	23,89	19.925.654.829
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Kim Thành (ii)	Đang hoạt động	Bất động sản	60,00	(ii)	60,00	(ii)	12.487.875.793
Công ty Cổ phần Sản xuất Xây dựng Dịch vụ Hoa Đồng	Đang hoạt động	Bất động sản và dịch vụ thương mại	49,00	49,00	49,00	49,00	68.600.497.157
Công ty Cổ phần Đầu tư SVG (ii)	Đang hoạt động	Sản xuất và xây dựng	50,00	(ii)	50,00	(ii)	1.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>							<b>145.907.427.496</b>

(i) Mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần May Tiến Phát là 12,09%, Tập đoàn đã hạch toán khoản đầu tư này là khoản đầu tư vào công ty liên kết vì Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể đến các chính sách tài chính và hoạt động của công ty này.

(ii) Mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Kim Thành và Công ty Cổ phần Đầu tư SVG lần lượt là 60% và 50%. Tuy nhiên, dựa trên các thỏa thuận của các cổ đông, quyền biểu quyết của Tập đoàn không tương ứng với tỷ lệ sở hữu và Tập đoàn không có quyền kiểm soát. Do đó, Tập đoàn đã phân loại các khoản đầu tư vào các công ty liên kết trong báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý II năm 2020

**17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**17.1 Đầu tư vào các công ty liên kết** (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết này như sau:

	VND
	<i>Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
<b>Giá trị đầu tư</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	173.312.048.907
Tăng trong kỳ	24.057.000.000
Giảm trong kỳ	-
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>197.369.048.907</u>
<b>Phần lũy kế (lỗ) lợi nhuận sau khi đầu tư vào công ty liên kết</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	(27.404.621.411)
(Lỗ) lợi nhuận từ các công ty liên kết Cổ tức được chia trong kỳ	(4.792.139.605)
	-
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>(32.196.761.016)</u>
<b>Giá trị đầu tư còn lại</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	<u>145.907.427.496</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>165.172.287.891</u>

**17.2 Các khoản đầu tư tài chính khác**

	VND		
	<i>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>		
	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Giá mua VND</i>
Công ty CP KCN Thành Thành Công	3.625.000	19,05	257.241.636.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghệ mới Đại Nam	100.000	3,17	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản 66	160.000	7,40	1.600.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hùng Anh	136.928	0,62	14.951.584
<b>TỔNG CỘNG</b>			<u>259.856.587.584</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý II năm 2020

**18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	VND
	<i>Lợi thế thương mại</i>
<b>Nguyên giá:</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	143.694.480.800
Phát sinh từ hợp nhất	-
Phát sinh giảm khi bán công ty con	-
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>143.694.480.800</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	(29.079.433.270)
Phân bổ trong kỳ	(6.742.061.619)
Giảm hao mòn khi bán công ty con	-
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>(35.821.494.889)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	<u>114.615.047.530</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>107.872.985.911</u>

**19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Phải trả bên liên quan	2.795.190	4.497.185.090
- Công ty CP May Tiến Phát	-	2.349.037.020
- Công ty CP Khu Công Nghiệp Thành Thành Công	2.795.190	2.148.148.070
Phải trả bên khác	137.583.377.319	146.492.762.720
- Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Thuận Việt	-	25.817.779.167
- Công ty TNHH MTV Xây Dựng Bình Minh	19.048.328.056	19.548.328.056
- Công ty Cổ phần Xây dựng Phước Thành	15.528.294.908	11.062.190.199
- Khác	103.006.754.355	90.064.465.298
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>137.586.172.509</u>	<u>150.989.947.810</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý II năm 2020

**20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phải trả bên liên quan	434.703.225	1.452.582.900
- Công ty CP Khu Công Nghiệp Thành Thành Công	-	1.017.879.675
- Công ty Cổ phần SX XD Dịch vụ Hoa Đồng	434.703.225	434.703.225
Phải trả bên khác (*)	<u>1.162.140.544.771</u>	<u>1.229.842.241.270</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.162.575.247.996</u></b>	<b><u>1.231.294.824.170</u></b>

(\*) Đây là khoản nhận tạm ứng theo tiến độ hợp đồng từ khách hàng mua nhà và căn hộ thuộc các dự án đang được thi công xây dựng của Tập đoàn. Tập đoàn sẽ bàn giao nhà và căn hộ cho khách hàng sau khi hoàn thành xây dựng và ghi nhận doanh thu tương ứng.

**21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Thuế giá trị gia tăng	2.662.295.094	8.487.991.400
Thuế thu nhập doanh nghiệp	70.620.704.680	80.777.621.292
Thuế thu nhập cá nhân	2.369.152.898	2.794.010.937
Các loại thuế khác	2.165.346.800	2.169.279.297
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>77.817.499.472</u></b>	<b><u>94.228.902.926</u></b>

**22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>Ngắn hạn</b>	<b>295.705.404.258</b>	<b>289.307.619.314</b>
Chi phí xây dựng phải trả	189.783.614.230	189.783.614.230
Chi phí bồi thường đất, thuê đất dự án Charmington Plaza	38.282.833.530	38.282.833.530
Chi phí lãi vay	48.164.932.453	44.175.126.599
Khác	19.474.024.045	17.066.044.955
<b>Dài hạn</b>	<b>134.620.679.400</b>	<b>135.775.179.400</b>
Chi phí thuê đất thuộc dự án Charmington La Pointe (*)	134.620.679.400	135.775.179.400
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>430.326.083.658</u></b>	<b><u>425.082.798.714</u></b>

(\*) Số dư này thể hiện khoản trích trước chi phí thuê đất và lợi nhuận cố định theo HĐHTKD với Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Việt Nam liên quan đến phần dự án đã hoàn thành và đưa vào cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý II năm 2020

**23. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>Ngắn hạn</b>	<b>43.181.045.231</b>	<b>79.960.193.351</b>
Lợi nhuận chưa thực hiện (*)	19.499.554.031	19.639.326.311
Tiền cho thuê nhận trước	23.681.491.200	60.320.867.040
<b>Dài hạn</b>	<b>62.833.845.127</b>	<b>38.328.609.409</b>
Lợi nhuận chưa thực hiện (*)	-	-
Tiền cho thuê nhận trước	62.833.845.127	38.328.609.409
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>106.014.890.358</b>	<b>118.288.802.760</b>

(\*) Số dư này thể hiện giá trị của khoản lợi nhuận mà Tập đoàn nhận được từ việc bán các bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết theo tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong các công ty liên kết này.

**24. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.850.679.673.991</b>	<b>1.712.251.807.582</b>
Tiền đặt cọc nhận từ cá nhân để mua căn hộ	1.807.340.056.217	1.665.181.633.427
Ký cược, ký quỹ	18.739.664.050	21.829.815.920
Cổ tức phải trả	7.563.223.579	8.725.427.086
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	1.488.050.347	313.025.281
Khác	15.548.679.798	16.201.905.868
<b>Dài hạn</b>	<b>55.961.335.591</b>	<b>54.468.018.118</b>
Ký cược, ký quỹ	55.961.335.591	54.468.018.118
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.906.641.009.582</b>	<b>1.766.719.825.700</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý II năm 2020

**25. VAY VÀ NỢ**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.411.055.393.677</b>	<b>1.338.275.937.998</b>
Vay cá nhân (TM số 25.1)	496.266.909.956	417.470.064.072
Vay tổ chức (TM số 25.1)	395.422.739.727	259.461.000.000
Vay ngân hàng thương mại (TM số 25.2)	327.979.743.995	347.608.873.927
Vay cá nhân đến hạn trả (TM số 25.1)	2.450.000.000	3.450.000.000
Vay ngân hàng thương mại đến hạn trả (TM số 25.2)	84.935.999.999	31.285.999.999
Trái phiếu thương đến hạn trả (TM số 25.3)	104.000.000.000	279.000.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>1.107.845.890.411</b>	<b>920.482.676.120</b>
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 25.2)	257.750.000.000	72.000.000.000
Trái phiếu dài hạn (TM số 25.3)	850.095.890.411	848.482.676.120
Vay dài hạn cá nhân và tổ chức (TM số 25.1)	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.518.901.284.088</b>	<b>2.258.758.614.118</b>

**25.1 Vay từ cá nhân và tổ chức**

Chi tiết vay ngắn hạn từ các cá nhân và tổ chức tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
	VND				
<b>Ngắn hạn</b>					
Vay từ cá nhân	496.266.909.956	Từ ngày 28 tháng 12 năm 2019 đến ngày 25 tháng 02 năm 2021	9,0 - 12,5	Bổ sung vốn lưu động	Tin chấp
Công ty CP Sản Xuất Xây Dựng Dịch Vụ Hoa Đồng	194.500.000.000	Ngày 22 tháng 4 năm 2021	10,50	Bổ sung vốn lưu động	Tin chấp
Công ty TNHH MTV Tư Vấn CENC	4.000.000.000	Ngày 16 tháng 8 năm 2020	12,00	Bổ sung vốn lưu động	Tin chấp
Công ty TNHH Đầu tư Thành Tạo	28.431.000.000	Năm 2020	10,00	Bổ sung vốn lưu động	Tin chấp
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa Ốc Kim Thành	9.500.000.000	Ngày 21 tháng 01 năm 2021	10,00	Bổ sung vốn lưu động	Tin chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý II năm 2020

**25. VAY VÀ NỢ** (tiếp theo)

**25.1 Vay từ cá nhân và tổ chức** (tiếp theo)

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
	VND				
<b>Ngắn hạn</b>					
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tín Nghĩa Á Châu	59.750.000.000	Ngày 09 tháng 01 năm 2021	10,50	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Thuận Việt	29.650.000.000	Ngày 21 tháng 5 năm 2020	9,80	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Công ty TNHH MTV Tư Vấn Sài Gòn Thương Tín	600.000.000	Tháng 6 năm 2021	10,50	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Công ty CP Bao Bì Kho bãi Bình Tây	23.677.000.000	Tháng 6 năm 2020	10,50	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Công ty CP Đầu Tư Hạ Tầng Cụm Công Nghiệp Tân Hội	914.739.727	Ngày 30 tháng 4 năm 2020	11,00	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Công ty Cổ Phần Chè Ngọc Bảo	16.000.000.000	Ngày 30 tháng 04 năm 2020	5,00	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Công Ty CP XD và Kết Cấu Thép Đại Tín	28.400.000.000	Ngày 26 tháng 11 năm 2020	8,00	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>891.689.649.683</b>				
<b>Dài hạn</b>					
Vay từ cá nhân	2.450.000.000	Ngày 5 tháng 12 năm 2020	5,0 - 12,0	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
<i>Trong đó:</i>					
Vay dài hạn đến hạn trả	2.450.000.000				
Vay dài hạn	-				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý II năm 2020

**25.2 Vay từ ngân hàng**

Chi tiết các khoản vay từ ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
<b>Ngắn hạn</b>					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	176.923.517.320	Từ tháng 7 năm 2020 đến tháng 12 năm 2020	Bổ sung vốn lưu động	6,70 - 9,20	Tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, 2.985.820 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Bao bì và Kho bãi Bình Tây
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh số 5	98.000.000.000	Từ tháng 4 năm 2020 đến tháng 3 năm 2021	Bổ sung vốn lưu động	9,00	Quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Đầu tư Tấn Hưng tọa lạc tại xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Hồ Chí Minh
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	33.697.944.720	Ngày 30 tháng 6 năm 2020 đến 30 tháng 9 năm 2020	Bổ sung vốn lưu động	7,50	Quyền sử dụng đất của Tập đoàn tại 24 Thoại Ngọc Hầu
Ngân hàng TMCP Liên Việt - CN Chợ Lớn	19.358.281.955	Ngày 07 tháng 5 năm 2021	Bổ sung vốn lưu động		Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại phường Tân Thới Hòa và phường Phú Trung, quận Tân Phú, Hồ Chí Minh của bên thứ ba
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>327.979.743.995</b>				
<b>Dài hạn</b>					
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	17.685.999.999	2021	Tài trợ đầu tư dự án	11,50	Quyền sử dụng đất thuộc dự án Carillon 5, tọa lạc tại 291/2 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
Ngân hàng TMCP Á Châu	45.000.000.000	Ngày 22 tháng 11 năm 2022	Tài trợ đầu tư dự án	10,70	5.400.000 cổ phiếu của công ty CP Tín Nghĩa Á Châu thuộc sở hữu của công ty CP May Tiến Phát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý II năm 2020

**25.2 Vay từ ngân hàng (tiếp theo)**

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Tân Định	280.000.000.000	Năm 2025	Tài trợ đầu tư dự án	11.50	Toàn bộ tài sản gắn liền với đất và nguồn thu từ khu phức hợp văn phòng thương mại dịch vụ tại dự án Ung Văn Khiêm
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>342.685.999.999</b>				
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>84.935.999.999</i>				
<i>Vay dài hạn</i>	<i>257.750.000.000</i>				

**25.3 Trái phiếu phát hành**

Chi tiết các khoản trái phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 như sau:

Tổ chức sắp xếp phát hành	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
<b>Dài hạn</b>					
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	300.000.000.000	Ngày 04 tháng 7 năm 2022	Tài trợ đầu tư dự án	12,0	53 quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại dự án Charmington Plaza, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Hùng Anh Năm; 54.530.000 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Tín Nghĩa được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Kỹ Thương	470.095.890.411	Ngày 19 tháng 12 năm 2021	Tài trợ đầu tư dự án	10,0	Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại dự án Hưng Điền thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Hưng
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	2.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Bổ sung vốn lưu động	11,0	95 quyền sử dụng đất tọa lạc tại 16/9 đường Bùi Văn Ba, Khu phố 2, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, HCM được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Thương Tín Tàu Cuộc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý II năm 2020

**25.3 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)**

Ngân hàng TMCP Tiên Phong	2.000.000.000	Ngày 9 tháng 7 năm 2020	Bổ sung vốn lưu động	11,0	95 quyền sử dụng đất tọa lạc tại 16/9 đường Bùi Văn Ba, Khu phố 2, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, HCM được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Thương Tín Tàu Cước
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	180.000.000.000	Ngày 7 tháng 12 năm 2021	Tài trợ đầu tư dự án	11,0	Quyền sử dụng đất tại dự án Sky Villa
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>954.095.890.411</u></b>				
Chi phí phát hành	-				
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>954.095.890.411</u></b>				
<i>Dài hạn đến hạn trả</i>	<i>104.000.000.000</i>				
<i>Dài hạn</i>	<i>850.095.890.411</i>				



Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý II năm 2020

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

26.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi nhuận của cổ đồng không kiểm soát	Tổng cộng
<b>Từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>								
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	3.392.226.750.000	333.261.184.101	(11.890.000)	130.100.031.184	24.890.292.522	365.055.667.136	226.227.734.540	4.471.749.769.483
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	274.252.409.056	3.725.766.159	277.978.175.215
Vốn góp của cổ đồng không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	22.400.000.000	22.400.000.000
Chia cổ tức cho cổ đồng không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Mua công ty con	-	-	-	-	-	-	8.384.865.593	8.384.865.593
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	4.140.877.709	-	(4.140.877.709)	(351.439.218)	(351.439.218)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(13.811.325.291)	-	(13.811.325.291)
Bán công ty con	-	-	-	-	-	-	(27.190.828.409)	(27.190.828.409)
Bán cổ phiếu quỹ	-	(3.402.890)	11.890.000	-	-	-	-	8.487.110
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	<b>3.392.226.750.000</b>	<b>333.257.781.211</b>	<b>-</b>	<b>134.240.908.893</b>	<b>24.890.292.522</b>	<b>621.355.873.192</b>	<b>231.696.098.665</b>	<b>4.737.667.704.483</b>

11/11/2020 10:10:11

# Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý II năm 2020

## 26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

### 26.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi nhuận của cổ đồng không kiểm soát	Tổng cộng	VND
<b>Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>									
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	3.392.226.750.000	333.257.781.211	-	134.240.908.893	24.890.292.522	621.355.873.192	231.696.098.665	4.737.667.704.483	
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	71.360.234.243	659.762.374	72.019.996.617	
Tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	271.336.280.000	(5.000.000)	-	-	-	(271.336.280.000)	-	(5.000.000)	
Chia cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-	
Mua công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	10.399.011.793	-	(10.399.011.793)	-	-	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(20.798.023.586)	-	(20.798.023.586)	
Bán công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>	<b>3.663.563.030.000</b>	<b>333.252.781.211</b>	<b>-</b>	<b>144.639.920.686</b>	<b>24.890.292.522</b>	<b>390.182.792.056</b>	<b>232.355.861.039</b>	<b>4.788.884.677.514</b>	

(\*) Vào ngày 26 tháng 12 năm 2019, Công ty đã hoàn tất thủ tục phát hành thêm 27.133.628 cổ phiếu theo mệnh giá cho cổ đồng hiện hữu theo tỉ lệ 8%. Việc phát hành cổ phiếu này được thực hiện từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, được phê duyệt bởi Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 05/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019. Vào ngày 05 tháng 02 năm 2020, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh đã có văn bản số 46/QĐ-SGDHCM chấp thuận cho Công ty thay đổi nội dung niêm yết nói trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý II năm 2020

26. **VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

26.2 **Cổ phiếu**

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>366.356.303</b>	<b>339.222.675</b>
<b>Cổ phiếu đã bán ra công chúng</b> Cổ phiếu phổ thông	366.356.303	339.222.675
<b>Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)</b> Cổ phiếu phổ thông	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	366.356.303	339.222.675

26.3 **Tình hình tăng giảm vốn cổ phần và phân phối cổ tức**

	<i>VND</i>	
	<i>Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
<b>Vốn cổ phần</b>		
Vốn góp đầu kỳ	3.392.226.750.000	3.392.226.750.000
Tăng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	271.336.280.000	-
Vốn góp cuối kỳ	<u>3.663.563.030.000</u>	<u>3.392.226.750.000</u>
Cổ tức công bố	271.336.280.000	-
Cổ tức đã thực trả bằng tiền	-	-

# Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý II năm 2020

## 27. DOANH THU

### 27.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm trước	VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>92.666.838.693</b>	<b>273.203.614.347</b>	<b>235.006.738.954</b>	<b>460.482.188.405</b>	
Doanh thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bất động sản	51.412.325.402	129.742.203.178	112.827.359.867	203.933.885.394	
Doanh thu từ dịch vụ bất động sản	9.902.149.205	123.277.339.094	59.348.538.558	224.407.145.273	
Doanh thu từ dịch vụ cho thuê	26.121.162.969	10.939.387.764	54.591.252.802	22.694.389.234	
Doanh thu từ dịch vụ khác	5.231.201.117	9.244.684.311	8.239.587.727	9.446.768.504	
<b>Trừ:</b>					
Hàng bán bị trả lại	552.750.376	27.277.113.070	3.462.175.150	42.411.673.376	
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>92.114.088.317</b>	<b>245.926.501.277</b>	<b>231.544.563.804</b>	<b>418.070.515.029</b>	
Doanh thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bất động sản	50.859.575.026	102.465.090.108	109.365.184.717	161.522.212.018	
Doanh thu từ dịch vụ bất động sản	9.902.149.205	123.277.339.094	59.348.538.558	224.407.145.273	
Doanh thu từ dịch vụ cho thuê	26.121.162.969	10.939.387.764	54.591.252.802	22.694.389.234	
Doanh thu từ dịch vụ khác	5.231.201.117	9.244.684.311	8.239.587.727	9.446.768.504	

## Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý II năm 2020

### 27. DOANH THU (tiếp theo)

#### 27.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm trước	VND
Thu nhập lãi tiền gửi, cho vay	36.199.926.391	38.320.777.777	77.718.177.219	80.422.727.584	
Cổ tức được chia	-	-	-	-	
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	4.457.829.987	11.616.612.397	23.105.964	18.079.723.122	
Khác	-	-	11.726.695.194	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>40.657.756.378</b>	<b>49.937.390.174</b>	<b>89.467.978.377</b>	<b>98.502.450.706</b>	

### 28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm trước	VND
Giá vốn từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bất động sản	46.901.322.888	56.150.609.489	105.027.560.980	98.211.805.717	
Giá vốn từ dịch vụ bất động sản	9.062.840.062	22.008.047.218	19.295.710.363	39.354.131.626	
Giá vốn từ dịch vụ cho thuê	8.511.942.592	1.154.889.030	19.744.091.894	9.808.052.449	
Giá vốn dịch vụ khác	6.434.359.985	7.989.509.482	6.876.532.517	8.681.026.235	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-	(5.701.760.000)	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>70.910.465.527</b>	<b>87.303.055.219</b>	<b>150.943.895.754</b>	<b>150.353.256.027</b>	

Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý II năm 2020

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm trước	VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>2.972.442.396</b>	<b>14.613.045.132</b>	<b>4.716.085.094</b>	<b>17.381.726.828</b>	
Chi phí môi giới	2.077.183.656	4.467.633.106	3.052.155.885	6.499.412.962	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	895.258.740	10.145.412.026	1.663.929.209	10.882.313.866	
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>15.255.052.789</b>	<b>36.139.745.630</b>	<b>38.562.471.027</b>	<b>80.565.051.625</b>	
Chi phí lương nhân viên	5.364.067.313	12.260.199.448	10.600.121.632	33.492.260.211	
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	278.504.818	819.262.194	702.781.566	1.463.542.080	
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.222.400.646	2.676.300.705	2.666.264.912	3.414.031.329	
Thuế, phí và lệ phí	9.949.741	12.602.574	56.608.622	64.816.069	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.963.017.419	14.419.213.687	10.720.286.704	25.694.141.148	
Phân bổ lợi thế thương mại	3.371.030.809	3.575.619.282	6.742.061.619	7.174.764.135	
Khác	2.046.082.043	2.376.547.740	7.074.345.972	9.261.496.653	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.227.495.185</b>	<b>50.752.790.762</b>	<b>43.278.556.121</b>	<b>97.946.778.453</b>	

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm trước	VND
Chi phí lãi vay	23.741.304.901	41.694.233.872	49.631.263.915	82.742.424.129	
Chi phí phát hành trái phiếu phân bổ	806.607.146	1.794.107.142	1.613.214.291	3.588.214.284	
Chiết khấu thanh toán sớm	1.345.209.677	1.727.749.760	1.345.209.677	15.318.892.908	
Chi phí tài chính khác	1.425.998.956	1.520.308.043	4.794.366.167	7.485.908.299	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>27.319.120.680</b>	<b>46.736.398.817</b>	<b>57.384.054.050</b>	<b>109.135.439.620</b>	

Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý II năm 2020

31. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm trước	VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>482.795.395</b>	<b>4.957.996.369</b>	<b>1.301.017.776</b>	<b>7.850.870.204</b>	
Tiền bồi thường nhận từ các bên khác	340.886.402	3.934.864.246	931.168.400	6.711.878.810	
Khác	141.908.993	1.023.132.123	369.849.376	1.138.991.394	
<b>Chi phí khác</b>	<b>294.288.453</b>	<b>7.084.893.773</b>	<b>4.486.761.324</b>	<b>7.604.252.888</b>	
Phạt vi phạm hành chính về thuế	2.160.170	-	3.959.427.293	-	
Tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	-	122.190.640	-	385.651.461	
Khác	292.128.283	6.962.703.133	527.334.031	7.218.601.427	
<b>LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC</b>	<b>188.506.942</b>	<b>(2.126.897.404)</b>	<b>(3.185.743.548)</b>	<b>246.617.316</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý II năm 2020

**32. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Nợ khó đòi đã xử lý	Thời gian quá hạn	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Kinh doanh Địa ốc Việt R.E.M.A.X	trên 6 năm	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Á Đông	trên 6 năm	36.219.590.000	36.219.590.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>86.219.590.000</b>	<b>86.219.590.000</b>



**33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tập đoàn.

Nguyễn Văn Thanh  
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Thảo  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thùy Vân  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 30 tháng 7 năm 2020